**BÀI 7**

**THƠ TÁM CHỮ VÀ THƠ TỰ ĐO**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học**

**1.1. Đọc**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ tám chữ hoặc thơ tự do thể hiện qua kết cấu, bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...; nhận biết và phân tích được cảm hứng chủ đạo, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của người viết trong văn bản.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần trong văn bản.

**1.2. Viết**

- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. .

**1.3. Nói**

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ.

**Nghe**

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**Nói nghe tương tác**

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

**2. Năng lực chung**

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân, tổ nhóm học tập liên quan đến bài học.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tích cực hợp tác với bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập của tổ, nhóm;

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**I. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan đến các tác giả, tác phẩm trong bài 7

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**II. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn.

**- Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Hoàng Thị Minh Hường trường THCS Mông Dương TP Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh- 0972842144 huongh150@gmail.com**

**Tiết: 85,86**

**Đọc – hiểu văn bản**

***Quê hương***

***(TẾ HANH)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại văn bản thơ tám chữ, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Bài học góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: cảm nhận, trân trọng và yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên, con người., quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: về tác giả Tế Hanh,

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV đặt câu hỏi: HS chia sẻ ý kiến của bản thân (tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng)

**Cách 1:**

- Em hãy đọc một bài thơ hoặc hát một bài hát về chủ đề quê hương mà em yêu thích.

- Hình ảnh sâu đậm nhất về quê hương trong em là gì?

**Cách 2**: Em thích nhất điều gì ở nơi mình sinh ra và lớn lên? Hãy chia sẻ điều đó với các bạn.

**Cách 3**:

GV cho HS nghe bài hát *Quê tôi* (Sáng tác: Anh Minh, ca sĩ: Thuỳ Chi): <https://www.youtube.com/watch?v=tCx-dFk2LL4>

GV đặt câu hỏi: Nêu cảm xúc của em sau khi nghe bài hát *Quê tôi.* Hình ảnh sâu đậm nhất về quê hương trong em là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và trả lời.

GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

*Quê hương- hai tiếng thân thương trừu mến cất lên từ sâu thẳm trái tim con người. Từ quê hương yêu dấu, mỗi chúng ta được sinh ra trong vòng tay yêu thương của mẹ, rồi lớn lên trong bao yêu thương, ru vỗ, ôm ấp, chở che của tình quê, cảnh quê. Để rồi tình yêu quê hương trong mỗi con người như một mạch nguồn chảy mãi, nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn trưởng thành. Viết về tình cảm ấy, thơ Tế Hanh đã chạm vào tận trái tim chúng ta bằng vần thơ giản dị, sâu lắng với vẻ đẹp của thiên nhiên và sức sống mạnh mẽ bền bỉ của con người quê hương ông. Bài 5, cô và các em sẽ đọc hiểu thể thơ tám chữ và thơ tự do, sẽ đắm mình trong những dòng cảm xúc ngọt ngào về quê hương, đất nước, con người...Bài thơ mở đầu cho hành trình này là bài Quê hương của Tế Hanh.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xem nội dung Bài 7(SGK/tr. 33->52) và cho biết:  *1) Nêu tên các văn bản được tìm hiểu ở bài 7?*  *2) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá kiến thức ngữ văn của bài học. | **- VB đọc chính:**  + VB1: *Quê hương* (Tế Hanh)  + VB2: *Bếp lửa* (Bằng Việt)  + VB thực hành đọc: *Chiều xuân* (Anh Thơ); *Nhật kí đô thị hoá* (Mai Văn Phấn)  **- Thể loại:** Thơ tám chữ và thơ tự do |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu kiến thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**:

- Kích hoạt kiến thức nền về thơ tám chữ và thơ tự do

- Bước đầu nhận biết được các yếu tố của bài thơ như kết cấu, bố cục, ngôn từ, ...

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HT số 01**  **TÌM HIỂU VỀ THƠ TÁM CHỮ VÀ THƠ TỰ DO**  Dựa vào mục 1, phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 33,34, hãy trình bày những hiểu biết của em về thơ tám chữ và thơ tự do. Lấy ví dụ minh họa.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thơ tám chữ** | **Thơ tự do** | | **Đặc điểm** | ....................................................  ..................................................... | ..........................................  ........................................ | | **Ví dụ** | ............................................. | ........................................ | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HT số 02**  **TÌM HIỂU VỀ KẾT CẤU, BỐ CỤC, NGÔN TỪ CỦA BÀI THƠ**  Dựa vào mục 2, phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 34, điền thông tin vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Kiến thức em đã biết** | **Kiến thức em muốn biết** | | **Kết cấu** | ........................................ | ........................................ | | **Bố cục** | ........................................ | ........................................ | | **Ngôn từ** | ........................................ | ........................................ | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HT số 03**  **TÌM HIỂU VỀ CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO VÀ TƯ TƯỞNG CỦA TÁC PHẨM**  Dựa vào mục 3, phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 35, điền thông tin vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Kiến thức em tìm hiểu được** | **Kiến thức em muốn trao đổi** | | **Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm** | ........................................ | ........................................ | | **Tư tưởng của tác phẩm** | ........................................ | ........................................ | |

Dự kiến PHT số 01

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHT số 01: 1. Thơ tám chữ và thơ tự do** | | |
|  | **Thơ tám chữ** | **Thơ tự do** |
| **Đặc điểm** | - là thể thơ trong đó mỗi dòng thơ có tám chữ (tiếng),  - ngắt nhịp đa dạng,  - gieo vần theo nhiều cách khác nhau nhưng phổ biến nhất là vần chân.  - Dung lượng: gồm nhiều đoạn dài với số dòng không hạn định hoặc có thể được chia thành các khổ. | - là thể thơ không có quy định bắt buộc về số dòng trong bài và số chữ ở mỗi dòng,  - về vần, luật bằng trắc và nhịp điệu ->đều có thể thay đổi tuỳ thuộc vào mục đích của người viết. |
| **Ví dụ** | Bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ | Bài thơ *Nói với con* của Y Phương |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV: Tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn về thể loại thơ tám chữ và thơ tự do và các yếu tố của một bài thơ.**  **Hình thức: cặp đôi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1)GV yêu cầu HS tái hiện một số kiến thức về thể thơ tám chữ và thơ tự do thông qua PHT số 01  (2) GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.34,35, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị theo PHT số 02, 03  Yêu cầu HS thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện 3 – 4 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện theo từng nhiệm vụ.  - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, kết hợp với diễn giải ngắn gọn một số nội dung về từng đơn vị kiến thức đọc hiểu  **Ví dụ:**  **- Về kết cấu:** Trong bài thơ *Quê hương*, hình tượng quê hương được nhà thơ Tế Hanh thể hiện theo trật tự thời gian (hồi tưởng về quê hương trong quá khứ rồi trở về với hiện tại, trong đó tập trung vào việc hồi tưởng), từ đó bộc lộ cảm xúc và tư tưởng của nhà thơ đối với hình tượng ấy.  **- Về bố cục:** Bài thơ *Chiều Xuân* (Anh Thơ) gồm ba khổ thơ: khổ thứ nhất – cảnh chiều xuân “*trên bến vắng*”, khổ thứ hai – cảnh chiều xuân ở “*ngoài đường đê*”, khổ thứ ba – cảnh chiều xuân “*trong đồng lúa*”.  **- Về cảm hứng chủ đạo:** Trong bài *Bếp lửa* (Bằng Việt) cảm hứng chủ đạo là nỗi nhớ, tình thương, sự kính trọng và biết ơn bà của người cháu.  - Về tư tưởng: Tư tưởng của bài *Bếp lửa* là nỗi day dứt trăn trở, nặng tình nặng nghĩa với những kỉ niệm một thời khi đã khôn lớn, trưởng thành. | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN:**  **1. Thơ tám chữ và thơ tự do**  (dự kiến PHT số 01)  **2. Kết cấu, bố cục, ngôn từ**  **a. Kết cấu**  - **Khái niệm:** Kết cấu là sự sắp xếp, tổ chức các yếu tố của bài thơ thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa, tuỳ theo nội dung và thể thơ.  - **Một số phương diện của kết cấu bài thơ:**  (1) Sự lựa chọn thể thơ.  (2) Sự bố trí, sắp xếp các từ ngữ, các dòng, các khổ, phần, các đoạn thơ.  (3) Sự triển khai mạch cảm xúc.  **b. Bố cục**  **- Khái niệm:** Bố cục là bề mặt của kết cấu.  – Lưu ý: Ở những tác phẩm có dung lượng ngắn, bố cục có thể trùng hợp với kết cấu.  **c. Ngôn từ**  **- Khái niệm:** Ngôn từ là chất liệu của thơ.  **- Đặc điểm ngôn từ thơ:**  + có vần và nhịp;  + có tính hàm súc, cô đọng nhờ việc sử dụng nhiều biện pháp tu từ;  + có những cách kết hợp từ mới và bất ngờ;  + giàu nhạc tính và những âm thanh luyến láy, từ ngữ trùng điệp, phối hợp bằng trắc…  **3. Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm**  **a. Cảm hứng chủ đạo trong bài thơ:** là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt xuyên suốt tác phẩm nhằm thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả.  **b. Tư tưởng của tác phẩm**: là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là thái độ và nhận thức mà tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản. |

**2.3. Đọc - Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách đọc thơ tám chữ góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

- HS biết cách để tìm hiểu kiến thức về tác giả liên quan đến tác phẩm được đọc hiểu, xuất xứ, và đặc điểm nổi bật, khái quát của VB

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về xuất xứ, ....

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những điểm cần chú ý khi đọc văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM KĨ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM** | | |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ khó.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  **- Phần đọc:** GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu.  *+ Quan sát bài thơ, em thử đoán nhịp của mỗi câu thơ ngắt như thế nào?*  *+ Em sẽ đọc bài thơ với giọng điệu ra sao?*  + Gọi một số HS đọc, GV chiếu bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm để Hs tự đánh giá và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó.  **- Phần từ khó:**  + Trong bài thơ, có từ ngữ nào em cần tìm hiểu nghĩa? Thử đoán nghĩa của từ đó?  - Giải thích nghĩa các từ ngữ ở chân trang:  *(1) Trai tráng*  *(2) Tuấn mã*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc theo hướng dẫn.  - Giải thích nghĩa các từ đã cho.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Lưu ý: Cần vận dụng kĩ năng đọc tưởng tượng, suy luận trong quá trình đọc:  + Gv cho HS đọc văn bản, khi đến những khổ có gợi dẫn, HS dừng lại, ghi suy nghĩ của mình.  + Sau khi đọc xong, HS có thể nói ra một vài suy nghĩ của mình để bước đầu cảm nhận VB (GV không nhận xét đúng – sai phần cảm nhận này)  - GV chiếu một số từ ngữ khó cần giải thích  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi**.**  (1) Tìm hiểu thông tin về tác giả Tế Hanh:  **HS thực hiện phiếu học tập số 04- Hình thức cá nhân.**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 04**  **TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ** | | | **Yêu cầu** | **Trả lời** | | *Ngoài những thông tin ở sách giáo khoa, em muốn tìm hiểu thêm những thông tin nào về nhà thơ Tế Hanh?* | ....................  ....................  ....................  .................... | | *Em tìm được các thông tin ấy bằng cách nào?* | .................... | | *Thử dẫn ra một số nguồn trích em đã truy cập để thu thập thông tin.* | .................... | | *Trong những thông tin ấy, thông tin nào cần thiết giúp em đọc hiểu bài “Quê hương”?* | ....................  .................... |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  (2).Tìm hiểu về VB “*Quê hương”*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà,  - Xác định xuất xứ, thể thơ, phương thức biểu đạt chính và nhân vật trữ tình của bài thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **II. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **- Đọc:**  + Ngắt nhịp 3/5, hoặc 3/2/3.  + Giọng điệu và cảm xúc khi đọc: Đọc với giọng bồi hồi, xúc động xen lẫn tươi vui, tự hào; có lúc như là lời tâm sự, câu chuyện kể về cuộc sống làng chài, có lúc lại bộc lộ cảm xúc trực tiếp của nhân vật trữ tình với quê hương.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả Tế Hanh**    - Tế Hanh (1921- 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu.  - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.  - Một số tập thơ tiêu biểu: *Hoa niên* (1944), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963),…  **b. Văn bản:**  **- Xuất xứ:**- In trong *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941,* Hoài Thanh – Hoài Chân.  **- Thể thơ:** Thơ tám chữ  - **Phương thức biểu đạt chính:**Biểu cảm  **- Nhân vật trữ tình:** Tôi (Tác giả) |

**2.4. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Giúp HS biết cách đọc một bài thơ tám chữ góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; có những lí giải mới mẻ về VB.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu hình thức và nội dung của bài thơ tám chữ thể hiện qua văn bản.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu cảm hứng chủ đạo**  **\*THẢO LUẬN THEO CẶP**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 1-2 trả lời câu hỏi số 2 SGK ->GV hướng dẫn HS xác định được bố cục và cảm hứng chủ đạo, kết cấu bài thơ  *-* Xác định bố cục của bài thơ *Quê hương* và nêu nội dung chính của mỗi phần.  - Nêu cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện trong bài thơ. Cảm hứng đó được thể hiện rõ nhất ở câu hoặc đoạn thơ nào trong bài?  - Kết cấu của bài thơ Quê hương được thể hiện theo trình tự nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện 1 vài cặp trả lời.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **III. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Bố cục và cảm hứng chủ đạo, kết cấu bài thơ**  **- Bố cục**: Bài thơ chia làm bốn phần:  **+ Phần 1:** Hai dòng đầu: *Giới thiệu chung về “làng tôi”*  **+ Phần 2**: Sáu dòng thơ tiếp (dòng 3-8): *Miêu tả cảnh làng chài ra khơi đánh cá*.  **+ Phần 3:** Tám dòng thơ tiếp (dòng 9-16): *Miêu tả cảnh thuyền cá trở về bến*.  **+ Phần 4:** Bốn dòng cuối (dòng 17-20): *Bày tỏ nỗi nhớ làng của tác giả*  **- Cảm hứng chủ đạo của tác giả:** nỗi nhớ làng quê.  + Cảm hứng đó được thể hiện qua các dòng thơ ở khổ cuối *“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhơ”, “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*”  **- Kết cấu của bài thơ *Quê hương*:** Hình tượng quê hương được nhà thơ Tế Hanh thể hiện theo trình tự thời gian (hồi tưởng về quê hương trong quá khứ rồi trở về hiện tại, trong đó tập trung vào việc hồi tưởng, từ đó bộc lộ tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ với hình tượng ấy. |
| **NV2: Tìm hiểu về bức tranh quê hương và cảm xúc trữ tình trong bài thơ:**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM/ KĨ THUẬT CÔNG ĐOẠN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, thời gian 10 phút câu hỏi sau:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - GV sắp xếp lớp học thành 4 dãy hàng dọc hoặc 4 dãy hàng ngang.  - GV nêu yêu cầu:  + Mỗi đội có 3 phiếu học tập: PHT 05, 06, 07.  + Các nhóm lần lượt hoàn thành từng phiếu học tập lần lượt theo từng bước tương ứng với yêu cầu của từng trạm: PHT số 05 thực hiện xong chuyển sang PHT số 06, PHT số 06 thực hiện xong chuyển sang PHT số 05:  ++ PHT số 05 tìm hiểu phần 1, 2.  ++ PHT số 06: tìm hiểu phần 3.  ++ PHT 07: tìm hiểu phần 4.  - Nhóm nào hoàn thành xong 3 PHT sẽ giành chiến thắng. Hoặc sau 15 phút, đội nào hoàn thành được nhiều, đúng phiếu học tập sẽ giành chiến thắng.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 05:**  **Đọc phần (1) (2) của VB:**  *(1) Trong dòng thơ đầu, tác giả đã giới thiệu về làng quê và nghề chài lười của quê hương như thế nào? Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả?*  *.................................................*  *(2) Cảnh những con thuyền ra khơi được tác giả miêu tả như thế nào* (*dòng 3-8)?Nhận xét của em về hình ảnh người dân và cuộc sống làng chài được thể hiện trong cảnh này.*   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Thể hiện trong phần (2)** | | Từ ngữ | *......................* | | Hình ảnh, yếu tố miêu tả | *....................* | | Biện pháp tu từ | *.....................* | | *Nhận xét:...............................* | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 06:**  **Đọc phần (3) của VB:**  *Cảnh đón thuyền cá về bến được tác giả miêu tả như thế nào* (*dòng 9-16)? Hình ảnh người dân và cuộc sống làng chài được thể hiện trong cảnh này có nét gì nổi bật?*   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Thể hiện trong phần (2)** | | Từ ngữ | *......................* | | Hình ảnh, yếu tố miêu tả | *....................* | | Biện pháp tu từ | *.....................* | | *Nhận xét:...............................* | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 07:**  **Đọc phần (4) của VB:**  *Nêu cảm nhận của em về bốn dòng thơ cuối.*   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện** | **Thể hiện trong phần (2)** | | Từ ngữ | *......................* | | Hình ảnh | *....................* | | Biện pháp tu từ | *.....................* | | *Nhận xét:...............................* | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Một số hình ảnh cần bình kĩ:  + Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ: *cánh buồm giương to như mảnh hồn làng =>* Con thuyền chính là linh hồn, sự sống của làng chài. Nhà thơ vừa vẽ ra chính xác cái hình, vừa cảm nhận được cái hồn của sự vật vừa mang vẻ đẹp lãng mạn, bay bổng.  => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao.  *+ làn da ngăm rám nắng* -> người làng chài quanh năm vất vả, vật lộn đầu sóng ngọn gió ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, dầm mưa dãi nắng nên mới tạo ta cái *rám nắng ->* dáng hình khoẻ khoắn, vạm vỡ như vậy, đồng thơi đây cũng là nét riêng, trở thành cái “chất” của người miền biển.  + “*Mùi nồng mặn”-* đó là hương vị làng chài – mùi vị mặn mòi của muối biển, mùi tanh rong rêu, mùi tanh của cá và mùi vị mặn mòi của những giọt mồ hôi người lao động – hương vị riêng đầy quyến rũ được tác giả cảm nhận bằng tình yêu của người con xa quê => Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn, mang hơi thở nồng ấm của sự sống, một tình yêu gắn bó, thuỷ chung của tác giả đối với quê hương. | **2. Bức tranh quê hương và cảm xúc trữ tình trong bài thơ:**  **a. Hình ảnh quê hương trong kí ức nhà thơ**  **a1. Giới thiệu chung về “làng tôi” (dòng 1-2)**  - Làng quê gắn liền với nghề chài lưới: *vốn làm nghề chài lưới*  - Vị trí: *Nước bao vây, gần biển.*   * Lời thơ bình dị, tạo nên tình cảm trong trẻo, thiết tha và lí giải vì sao hình ảnh làng chài lại sâu đậm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình đến thế   **a2. Cảnh những con thuyền ra khơi (dòng 3-8)**  **- Từ ngữ:**  + Thời gian: *sớm mai*  + Không gian: *trời trong* (cao và rộng), *gió nhẹ*, nhuốm nắng hồng bình minh.  *.*  *+* Động từ *phăng, hăng, vượt, rướn ->* chỉ động tác, trạng thái mạnh mẽ  **- Hình ảnh, yếu tố miêu tả:**  + Con người: *dân trai tráng , phăng mái chèo, mạnh mẽ, vượt trường giang ->*hình ảnh miêu tả vẻ đẹp khoẻ khoắn về những con người lao động.  + Con thuyền: *nhẹ, hăng như con tuấn mã, cánh buồm to, rướn thân trắng bao la thâu góp gió*  ***-* Biện pháp tu từ:**  + So sánh: *chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã*  + So sánh, ẩn dụ: *cánh buồm giương to như mảnh hồn làng =>*So sánh mới lạ, dùng cái cụ thể (*cánh buồm*) để chỉ cái trừu tượng (*mảnh hồn làng*). -> làm cho hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên thiêng liêng, thơ mộng, đồng thời gợi tả sự hiên ngang, mạnh mẽ của người dân miền biển, hoà mình vào thiên nhiên, đương đầu với thử thách  =>**Nhận xét về nội dung:** Bằng bút pháp miêu tả, lãng mạn hóa, sử dụng hình ảnh so sánh, các từ ngữ chỉ động tác mạnh mẽ, tác giả đã:  + Khắc họa phong cảnh quê hương tươi sáng, bức tranh lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống.  + Tô đậm biểu tượng của linh hồn làng chài- cánh buồm, nhấn mạnh vẻ đẹp thơ mộng, lớn lao, thiêng liêng và rất đỗi thơ mộng của nó  **a3. Cảnh thuyền cá trở về bến. (dòng 9- 16)**  **- Từ ngữ:**  **+** Thời gian: *Ngày hôm sau*  **+** Không gian: *bến*  **- Hình ảnh, yếu tố miêu tả:**  + Con người: *ồn ào, tấp nập* *đón ghe về, làn da ngăm rám nắng, cả thân hình nồng thở vị xa xăm*  + Con thuyền: *cá đầy ghe, những con cá tươi ngon thân bạc trắng, im, trở về nằm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*  => Bức tranh sinh hoạt náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.  ***-* Biện pháp tu từ:**  + Ẩn dụ: “*cả thân hình nồng thở vị xa xăm”* - ẩn dụ chuyển đổi cảm giác từ thị giác sang vị giác => Ta tưởng như dáng hình ấy nồng lên mùi biển, mằn mặn hương vị của chất muối biển. Trong từ “*nồng thở”* còn như ẩn chứa một sức mạnh dồi dào, bền bỉ đã đượctôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ lâu trong tâm hồn, làn da, đôi mắt, nụ cười…đều sáng bừng sự sống.  *+* Nhân hoá: *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*/ *Nghe chất muối* *thấm dần trong thớ vỏ*. Tác dụng: gợi tả cảm giác yên bình, trầm tư sau những ngày sóng gió trên biển  **Nhận xét về nội dung:** Bằng bút pháp miêu tả kết hợp với lãng mạn hóa, hình ảnh độc đáo, ngôn từ gợi cảm... tác giả đã cho thấy:  + Bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống toát lên từ không khí ồn ào, tấp nập, động vui, từ những chiếc ghe đầy cá, từ những con cá tươi ngon thân bạc trắng, từ lời cảm tạ chân thành trời đất đã cho sóng yên, bể lặng để người dân chài trở về an toàn với cá đầy ghe.  + Cảnh người dân chài và con thuyền nằm im nghỉ ngời trên bến sau chuyến ra khơi. Hình ảnh người dân chài với tầm vóc phi thường, con thuyền như có hồn, một tâm hồn rất tinh tế.  **b. Nỗi nhớ làng của tác giả (dòng 17-20)**  **- Từ ngữ:** *Mùi nồng mặn*  **- Hình ảnh:** *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền ...ra khơi*  **- Câu cảm thán:** *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!* =>  *=>* Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị, tự nhiên như thốt ra từ trái tim.  ***-* Biện pháp tu từ:**  + Điệp từ: nhớ  + Liệt kê:*màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*  **=> Nội dung:** Bốn dòng thơ trực tiếp nói lên nỗi nhớ làng quê da diết, mãnh liệt của nhà thơ. Nhà thơ nhớ *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền ...ra khơi,* đặc biệt là *mùi nồng mặn* đặc trưng của làng quê miền biển. Với ông, cái hương vị lao động của làng chài đó chính là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương*.*. |
| **NV3: Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, thời gian 5 phút câu hỏi sau:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Thực hiện **PHT số 08**:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 08:**  **- Yêu cầu:**  *+* Xác định những đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.  + Phân tích một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ mà em đã chỉ ra (cách sắp xếp bố cục, cách triển khai mạch cảm xúc, sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, ...  *?*  **- Trả lời:** | | | Vần, nhip: |  | | Cách sắp xếp bố cục: |  | | Cách triển khai mạch cảm xúc: |  | | Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả và biểu cảm: |  | | Cách sử dụng các biện pháp tu từ |  |   **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **HS đưa ra những ý kiến khác nhau và lí giải phù hợp** | **3. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ**  - Vần, nhịp:  + Vần liền: sông – hồng; cá – mã; giang – làng; trắng – nắng; xăm – nằm.  + Nhịp: chủ yếu nhịp 3/5 hoặc nhịp 3/2/3  - Cách sắp xếp bố cục: bài thơ mở đầu với hai dòng thơ giới thiệu khái quát về nghề nghiệp của dân làng, vị trí của làng, sau đó tiếp nối với hình ảnh lao động của cuộc sống làng chài (phần 2,3) và kết lại với nỗi nhớ làng chài, nỗi nhớ quê hương  - Cách triển khai mạch cảm xúc: tình yêu tha thiết với quê hương được thể hiện gián tiếp qua cách tả về làng, về người dân chài và cuộc sống của họ (phần 1, 2, 3), thể hiện trực tiếp tình yêu quê hương ở khổ cuối.  - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả và biểu cảm, xét về số lượng thì 18/20 dòng thơ miêu tả, chỉ có hai dòng thơ là biểu lộ trực tiếp tình của nhà thơ. Phương thức thể hiện chủ yếu vẫn là biểu cảm vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc, ấn tượng: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ,…đã giúp cho bài thơ trở thành một chỉnh thể toàn vẹn và thể hiện tốt nhất hình ảnh vừa thân thuộc vừa lớn lao, kì vĩ của quê hương và tình yêu tha thiết với quê hương của tác giả. |
| **NV4: Tìm hiểu chủ đề và tư tưởng của bài thơ.**  **Gv chú ý tích hợp: giáo dục quốc phòng, an ninh: Tình yêu quê hương đất nước: giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, cảm hứng ngợi ca, tự hào là tình cảm thiêng liêng trong trái tim con người.**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* GV chiếu phiếu HT 09  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Thực hiện phiếu học tập số 09  Từ đó, HS đưa ra ý kiến chủ quan của mình.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 09:**  **- Yêu cầu:**  *Nêu chủ đề của bài thơ Quê hương và tư tưởng của tác giả gửi gắm trong đó.*  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | Chủ đề của bài thơ | ........................ | | Tư tưởng của tác giả | ....................... | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV HS nêu quan điểm  - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng HS | **4. Chủ đề và tư tưởng của bài thơ.**  **- Chủ đề bài thơ:** Bài thơ tái hiện hình ảnh quê hương trong tâm tưởng tác giả - một quê hương tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống. Qua đó thể hiện tâm hồn tinh tế, tài hoa, tấm lòng gắn bó sâu nặng của nhà thơ với con người cùng cuộc sống lao động của làng chài quê hương.  **- Tư tưởng của tác giả:** Bài thơ cho thấy quê hương luôn là hình ảnh thân thương, in đậm trong tâm trí nhà thơ nói riêng, mọi người nói chung. Tình yêu quê hương luôn là tình cảm lớn lao, thiêng liêng trong mỗi con người. |

**2.5.Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Quê hương,* rút ra cách đọc thể loại thơ tám chữ

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và hình thức văn bản

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Quê hương*  - Hãy rút ra những lưu ý về cách đọc một bài thơ tám chữ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **IV. TỔNG KẾT**  **1. Nghê thuật**  - Thể thơ tám chữ, có nhiều sáng tạo trong việc kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả trong tác phẩm trữ tình.  - Giọng thơ trong sáng, tha thiết  - Hình ảnh thơ bay bổng lãnh mạn, thú vị  - Ngôn ngữ thơ giàu màu sắc gợi hình gợi cảm.  **2. Nội dung**  - Bài thơ vẽ ra một bức tranh sinh động, tươi sáng về một làng quê miền biển. Trong đó, nổi bật hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài.  - Thể hiện tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha của nhà thơ  **3. Cách đọc một bài thơ tám chữ**  - Khi đọc chú ý cách gieo vần, ngắt nhịp.  - Xác định được hình tượng được khắc họa trong bài thơ. Chỉ ra chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.  - Tìm được kết cấu, bố cục của bài thơ.  - Xác định và phân tích được việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, ... nổi bật trong bài thơ.  - Hiểu được chủ đề, tư tưởng của bài thơ.  - Liên hệ đến cuộc sống thực tại của bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1**: Trò chơi “Đường về nhà”

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc câu hỏi và trả lời đáp án đúng nhất

**Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS trả lời

**Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 4.** GV công bố kết quả.

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định thể thơ của văn bản.

1. Sáu chữ B. Bảy chữ
2. **Tám chữ** D. Tự do

**Câu 2:** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

*“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.”*

A. So sánh, nhân hoá **B. Ẩn dụ, nhân hoá**

C. Ẩn dụ, hoán dụ D. Nhân hoá, hoán dụ

**Câu 3:**  Nội dung của bài “*Quê hương*” nói lên điều gì?

A. Đề cao giá trị của nghề đi biển của những người dân sống ở làng chài quê hương.

**B. Nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.**

C. Miêu tả vẻ đẹp của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.

D. Vẽ lại hành trình của đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

**Câu 4:** Nhận định nào dưới đây nói đúng nhất tình cảm của Tế Hanh đối với cảnh vật, cuộc sống và con người ở quê hương ông?

A. Nhớ về quê hương với những kỉ niệm buồn bã và đau xót, thương cảm.

**B.** Gắn bó và bảo vệ cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông.

**C. Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó sâu sắc với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.**

D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 5:**Khổ thơ cuối của bài thơ nói lên điều gì?

**A. Nỗi nhớ làng chài của người con tha hương.**

B. Tâm trạng yêu đời, hăng say lao động của tác giả.

C. Tâm trạng luyến tiếc của tác giả khi không được cùng đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

D. Miêu tả những vẻ đẹp về màu sắc của biển quê hương.

**Câu 6:**Có ý kiến rằng “Trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh đã sử dụng những hình ảnh so sánh đẹp, bay bổng và biện pháp nhân hóa độc đáo, thổi linh hồn cho sự vật khiến cho sự vật có một vẻ đẹp có một ý nghĩa”. Ý kiến đó đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

**Câu 7:**Câu thơ nào miêu tả nét đặc trưng của dân chài lưới?

A. Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng/Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

B. Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ/Khắp dân làng tấp lập đón ghe về.

**C. Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng/Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.**

D. Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới/Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

\***Nhiệm vụ 2**: **Viết đoạn văn (Kĩ thuật viết tích cực)**

**Bước 1. GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân**:

**Bài tập 1:** Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ *Quê hương*? Vì sao? Chỉ ra điểm giống và khác nhau nổi bật nhất giữa bài thơ *Quê hương* với một bài thơ khác viết về cùng đề tài mà em biết*.* Viết đoạn văn 5 – 7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về điều đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn văn.

**-** HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu nội dung chính của đoạn văn: hình ảnh trong bài thơ *Quê hương* mà em thích; so sánh với bài thơ khác cùng đề tài. | **0,5** |
| - Ví dụ: Em thích nhất của em về bài thơ là hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về. Cảnh tượng đó để lại trong em rất nhiều cảm xúc:  + Không khí *tấp nập, ồn ào* trên bếnvới hình ảnh *cá đầy ghe* => mùa bội thu, chúng ta hoà chung vào niềm vui của người dân chài.  + Hình ảnh người dân chài với những nét đặc trưng riêng của người miền biển “làn da ngăm rám nắng” và cả thân hình “nồng thở vị xa xăm” – dấu ấn sâu đậm không thể nào quên.  + Hình ảnh chiếc thuyền “nằm nghỉ ngơi” trên bãi vắng sau nhứng ngày đánh cá mệt mỏi => linh hồn của làng chài, mang sức sống, mang tâm tư của con người làng chài.   * Những kí ức không thể phai nhoà trong tâm hồn người xa quê. | **4** |
| - Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về được thể hiện qua một số hình thức nghệ thuật đặc sắc: vần, nhịp, một số biện pháp tu từ (nhân hoá, ẩn dụ). | **2** |
| - So sánh với bài thơ khác: như *Quê hương* của Đỗ Trung Quân | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1:** Bài thơ *Quê hương* khơi gợi trong em những tình cảm gì đối với nơi em đã sinh ra và lớn lên?

GV yêu cầu HS thực hiện trao đổi, thảo luận về vấn đề nêu trên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Gợi ý:**

* Nêu được tình cảm với nơi mình sinh ra và lớn lên như: tự hào, biết ơn, tình yêu quê hương, đất nước, ....
* Lí giải những biểu hiện và nguyên nhân của tình cảm đó:

**Nhiệm vụ 2: Cuộc thi giới thiệu về quê hương qua chủ đề “Quê hương trong trái tim tôi”**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Lớp chia thành 4 nhóm: GV cho HS bốc ngẫu nhiên để chọn nhiệm vụ mà nhóm mình cần thực hiện. Có thể đề ra những nhiệm vụ sau:

+ Vẽ 1 bức tranh với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”. Thuyết trình về bức tranh đó.

+ Thiết kế video clip với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”

- Sau khi bốc thăm, chọn nhiệm vụ của nhóm mình, các nhóm phân công, thực hiện nhiệm vụ và nộp sản phẩm học tập sau 2 tuần.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận.**

**GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| -Vẽ tranh với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”  **(5 điểm)**  - Thuyết trình về bức tranh  **(5 điểm)** | - Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  **(1 - 2,5 điểm)**  - Thuyết trình chưa tự tin, chưa lột tả được hết vẻ đẹp của quê hương thể hiện qua bức tranh.  **(1 - 2,5 điểm)** | - Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  **(2 - 3,5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, về cơ bản thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh nhưng chưa thật ấn tượng, chưa có điểm nhấn  **(2 – 3,5 điểm)** | -Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  **(4 - 5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh về quê hương thật ấn tượng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người người nghe.  **(4 - 5 điểm)** |
| Thiết kế video clip với chủ đề “Quê hương trong tôi là…” **(10 điểm)** | Video clip đúng chủ đề, giới thiệu về quê hương nhưng mang nội dung sơ sài, âm thanh hoặc hình ảnh chưa thật phù hợp với nội dung  **(5 – 6 điểm)** | Video clip đúng chủ đề, âm thanh, hình ảnh phù hợp, nội dung tương đối đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên chưa có điểm nhấn thật ấn tượng, đặc sắc.  **(7 – 8 điểm)** | Video clip đúng chủ đề; âm thanh, hình ảnh sắc nét; nội dung phù hợp, có nhiều điểm nhấn ấn tượng, tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem.  **(9 - 10 điểm)** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**-** Tìm đọc các bài thơ có đề tài cùng với bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

- Soạn văn bản: *Bếp lửa* (Bằng Việt)

**================================**

**Tiết 87,88**

**Đọc – hiểu văn bản**

***Bếp lửa***

**(BẰNG VIỆT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ *Bếp lửa* thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của nhà thơ Bằng Việt thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại văn bản thơ tự do, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Bài học góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: cảm nhận, trân trọng và yêu mến vẻ đẹp của con người, gia đình, quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: về tác giả Tế Hanh,

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV đặt câu hỏi: HS chia sẻ ý kiến của bản thân

**Cách 1:**

- Em nhớ nhất kỉ niệm nào với người thân trong gia đình? Chia sẻ điều đó với các bạn trong nhóm (bàn).

**Cách 2**: Quan sát bức tranh minh họa bìa sách *Ngữ văn 9*, tập hai, và thực hiện yêu cầu sau:

Từ nhan đề bài thơ và tranh minh họa, hãy đoán xem người trong tranh là những ai? Họ đang làm gì?

****

?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và trả lời.

GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

*Các em ạ, như cây xanh muốn xanh tốt cần có gốc rễ, con người muốn trưởng thành cần có gia đình là điểm tựa. Đối với mỗi chúng ta, kỉ niệm tuổi thơ bên gia đình luôn là miền kí ức trong trẻo, êm đềm, ru vỗ tâm hồn ta, nâng bước để chúng ta trưởng thành. Ở đó có tình yêu thương chở che của ông bà, cha mẹ...Trong miền kí ức của mình, Bằng Việt trong hòan cảnh xa quê hương đất nước, trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra, niềm yêu kính, biết ơn, nỗi nhớ bà trở thành dòng cảm xúc mãnh liệt trào dâng mãnh liệt để ông viết bài thơ Bếp lửa. Vậy người bà đã hiện lên như thế nào, điều gì làm nên sức hấp dẫn của bài thơ? Cô và các em cùng đọc VB.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Đọc - Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách đọc thơ tự do góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

- HS biết cách để tìm hiểu kiến thức về tác giả liên quan đến tác phẩm được đọc hiểu, xuất xứ, và đặc điểm nổi bật, khái quát của VB

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về xuất xứ, ....

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những điểm cần chú ý khi đọc văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM KĨ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM** | | |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ khó.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  **- Phần đọc:** GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu.  + Gọi một số HS đọc, GV chiếu bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm để Hs tự đánh giá và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó.  **- Phần từ khó:**  + Trong bài thơ, có từ ngữ nào em cần tìm hiểu nghĩa? Trao đổi với bạn về nghĩa của từ đó.  - Giải thích nghĩa các từ ngữ:  *(1) Tu hú*  *(2) Đinh ninh*  *(3) Chiến khu*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc theo hướng dẫn.  - Giải thích nghĩa các từ đã cho.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Lưu ý: Cần vận dụng kĩ năng đọc tưởng tượng, suy luận trong quá trình đọc:  + Gv cho HS đọc văn bản, khi đến những khổ có gợi dẫn, HS dừng lại, ghi suy nghĩ của mình.  + Sau khi đọc xong, HS có thể nói ra một vài suy nghĩ của mình để bước đầu cảm nhận VB (GV không nhận xét đúng – sai phần cảm nhận này)  - GV chiếu một số từ ngữ khó cần giải thích  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi**.**  (1) Tìm hiểu thông tin về tác giả Bằn Việt và bài thơ *Bếp lửa*  **HS thực hiện phiếu học tập số 01 Hình thức cá nhân.**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 01**  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ VÀ VĂN BẢN** | | | **Yêu cầu** | **Trả lời** | | a. Nêu một số hiểu biết về nhà thơ Bằng Việt. | ....................  .................... | | b. Tìm hiểu chung về bài thơ *Bếp lửa*:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản**.**  - Bài thơ sáng tác theo thể thơ nào?  - Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?  - Xác định phương thức biểu đạt chính. | ....................  ....................  ....................  ....................  ....................  ....................  ....................  .................... |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **.** | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **- Đọc:**  + Ngắt nhịp: 3/4; 4/5...  + Giọng điệu và cảm xúc khi đọc: Đọc với giọng bồi hồi, xúc động, tâm tình thủ thỉ, chú ý từ ngữ bộc lộ tình cảm trực tiếp của tác giả.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả Bằng Việt**    **-** Tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng, **s**inh năm 1941, quê ở Hà Nội.  - Thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.  - Thơ ông trong trẻo, mượt mà, xúc cảm tinh tế, giàu suy tư.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Hương cây - bếp lửa* (1968); *Những gương mặt, những khoảng trời* (1973); *Đất sau mưa* (1977); *Bếp lửa – khoảng trời* (1986),…  **b. Văn bản: *Bếp lửa***  - Xuất xứ: Viết năm 1963 khi tác giả đang du học ở Liên Xô, in trong tập “*Hương cây- Bếp lửa*”(1968).  - Thể thơ: Tự do  - Nhân vật trữ tình: người cháu  - Phương thức biểu đạt chính:Biểu cảm |

**2.2. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Giúp HS biết cách đọc một bài thơ tám chữ góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; có những lí giải mới mẻ về VB.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu hình thức và nội dung của bài thơ tám chữ thể hiện qua văn bản.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục và cảm hứng chủ đạo, kết cấu bài thơ**  **\*THẢO LUẬN THEO CẶP**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 1-2 trả lời câu hỏi số 1 SGK ->GV hướng dẫn HS xác định được bố cục của bài thơ và cảm hứng chủ đạo của tác giả   * - Xác định bố cục của bài thơ *Bếp lửa.* * - Cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ là gì? * *-*  Kết cấu của bài thơ *Bếp lửa* được tổ chức theo trình tự nào?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện 1 vài cặp trả lời.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Bố cục và cảm hứng chủ đạo, kết cấu bài thơ**  - Bài thơ chia làm bốn phần:  **+ Phần 1:** (dòng 1-3): Giới thiệu về hình ảnh bếp lửa- hình ảnh khơi nguồn cho dòng cảm xúc về bà  **+ Phần 2**: (dòng 4 - 29): Hồi tưởng về bà và bếp lửa gắn với các kỉ niệm.  **+ Phần 3:** (dòng 30 - 37): Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà.  **+ Phần 4:** Phần còn lại: Hình ảnh bà và bếp lửa còn sống mãi trong tâm hồn cháu.  **- Cảm hứng chủ đạo của tác giả:** Bài thơ thể hiện nỗi nhớ, tình thương, sự kình trọng, biết ơn bà của người cháu.  **- Kết cấu của bài thơ *Bếp lửa*** được tổ chức theo trình tự thời gian: từ hiện tại trở về quá khứ; rồi lại từ quá khứ lại quay về hiện tại |
| **NV2: Tìm hiểu về hình ảnh bà và bếp lửa trong cảm xúc trữ tình**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  GV chia lớp làm 5 nhóm.  **-** Nhóm 1: Tìm hiểu về hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc về bà (dòng 1-3); và kỉ niệm năm lên bốn tuối:  - Nhóm 2: Tìm hiểu về kỉ niệm tám năm ròng cùng bà nhóm lửa.  - Nhóm 3: Tìm hiểu về kỉ niệm năm giặc đốt làng và hình ảnh bếp lửa, người bà gắn liền với quá trình trưởng thành của người cháu  - Nhóm 4: Tìm hiểu về hình ảnh bà và bếp lửa còn sống mãi trong tâm hồn cháu.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **NHÓM 1: PHIẾU HT SỐ 02: TÌM HIỂU HÌNH ẢNH BẾP LỬA KHƠI NGUỒN CẢM XÚC VỀ BÀ VÀ KỈ NIỆM NĂM LÊN BỐN TUỔI**  **(1)Đọc đoạn thơ từ dòng 1-3 của VB:**  *Trong ba câu thơ đầu, hình ảnh bếp lửa được khắc họa như thế nào? Hình ảnh ấy khơi gợi cảm xúc về ai?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình ảnh** | **Từ ngữ, biện pháp tu từ (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | Hình ảnh bếp lửa | *......................* | *..............* | | Hình ảnh bà | *....................* | *...............* | | *Cảm xúc của nhân vật trữ tình:........*  *.............................................................* | | | | ***(2) Đọc đoạn thơ từ dòng 4 - 8 của VB:***  *- Người cháu đã hồi tưởng kỉ niệm tuổi thơ bên bà ở thời điểm nào?*  *- Trong kỉ niệm đó, tình bà cháu được thể hiện ra sao?*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Từ ngữ, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, tự sự (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | | Thời điểm |  |  | | | Kỉ niệm gợi về |  |  | | | *Tình bà cháu: :........*  *.............................................................* | | | | | | |   **NHÓM 2: PHIẾU HT SỐ 03:**  **TÌM HIỂU KỈ NIỆM TÁM NĂM RÒNG CHÁU CÙNG BÀ NHÓM LỬA**  **Đọc đoạn thơ từ dòng 9- 19 của VB:**  *- Người cháu đã hồi tưởng kỉ niệm tuổi thơ bên bà ở thời điểm nào?*  *- Trong kỉ niệm đó, tình bà cháu được thể hiện ra sao?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ ngữ, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, tự sự (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | Hình ảnh bà | *......................* | *..............* | | Âm thanh tiếng chim tu hú | *....................* | *...............* | | *Tình bà cháu: :........*  *.............................................................* | | |   **NHÓM 3: PHIẾU HT SỐ 04:**  **TÌM HIỂU KỈ NIỆM NĂM GIẶC ĐỐT LÀNG**  **Đọc đoạn thơ từ dòng 20-29 của VB:**  *- Người cháu đã hồi tưởng kỉ niệm tuổi thơ bên bà ở thời điểm nào?*  *- Trong kỉ niệm đó, tình bà cháu được thể hiện ra sao?*  *- Ý nghĩa của hình ảnh ngọn lửa trong hai câu thơ “Một ngọn lửa....dai dẳng”*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ ngữ, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, tự sự (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | *Hoàn cảnh* |  |  | | *Hình ảnh bà (lời nói, hành động)* |  |  | | *Sự chuyển đổi từ bếp lửa sang ngọn lửa* |  |  | | *Cảm xúc của nhân vật trữ tình:.......*  *........................................................* | | |   **NHÓM 4: PHIẾU HT SỐ 05:**  **TÌM HIỂU VỀ SUY NGẪM CỦA CHÁU VỀ BÀ VÀ CUỘC ĐỜI BÀ**  **Đọc đoạn thơ từ dòng 30- 32 của VB:**  *- Người cháu đã có suy ngẫm gì về bà và cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa?*  *- Từ “nhóm” trong đoạn thơ được lặp lại mấy lần? Người bà có ý nghĩa gì trong sự trưởng thành của người cháu?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ ngữ, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, tự sự (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | Suy ngẫm về cuộc đời bà |  |  | | Suy ngẫm về bà |  |  | | => Nhận xét về tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình về hình ảnh bếp lửa:............................  ................................................ | | |   **NHÓM 5: PHIẾU HT SỐ 06:**  **TÌM HIỂU HÌNH ẢNH BÀ VÀ BẾP LỬA TRONG TÂM HỒN CỦA NGƯỜI CHÁU PHƯƠNG XA**  **Đọc đoạn thơ từ dòng 38-41 của VB:**  *Trở về hiện tai, cuộc sống mới đã mở ra trước mắt người cháu những gì? Hình ảnh bà và bếp lửa quê hương đã đem đến cho cháu những cảm xúc, tình cảm ra sao?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ ngữ, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, tự sự (nếu có)** | **Tác dụng/ ý nghĩa** | | Cuộc sống hiện tại của cháu |  |  | | Cảm xúc, tình cảm của người cháu |  |  |   **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày.  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Hình ảnh bà và bếp lửa trong cảm xúc trữ tình**  **a. Bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc về bà (dòng 1-3)**  *Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*  *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*  *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*  **- Hình ảnh bếp lửa:** được khắc họa qua hệ thống từ ngữ gợi hình, gợi cảm:  + Từ láy: “*chờn vờn*”: gợi tả hình ảnh ngọn lửa chuyển động bập bùng cháy, cũng có thể là hình ảnh ngọn lửa in trên vách bếp, hay đang ẩn hiện trong màn sương kí ức.  + “*ấp iu*” vừa miêu tả chính xác công việc nhóm bếp, vừa khơi gợi đôi bàn tay khéo léo, kiên nhẫn và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.  + Điệp ngữ: “*Một bếp lửa*” nhấn mạnh, thu hút sự chú ý vào hình ảnh trung tâm bài thơ.  **- Hình ảnh bà:** *“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*  + “*Nắng mưa”:* hình ảnh ẩn dụ ->chỉ cuộc đời bà đầy vất vả, toan lo.  + Động từ “*thương*”: nỗi nhớ bà được bộc lộ trực tiếp. Cách nói *“biết mấy nắng mưa”* là cách nói xúc động đến nghẹn ngào bật lên tự đáy lòng của người cháu.  ->Như vậy, hình ảnh bếp lửa đã khơi nguồn cảm xúc thương nhớ bà, nhớ kỉ niệm tuổi thơ bên bà. Đó là cảm xúc mãnh liệt, khiến bao kỉ niệm về bà và quê hương ùa về trong tâm trí người cháu ở phương xa  **b. Hồi tưởng về bà và bếp lửa gắn với các kỉ niệm**  **\* Kỉ niệm năm lên bốn tuối (dòng 4- 8):**  - Thời điểm: Năm cháu lên bốn tuổi- nạn đói 1945: kí ức đau thương của dân tộc  *+ Cụm từ“đói mòn đói mỏi”* rất đặc sắc, nhà thơ sử dụng từ láy *mòn mỏi* với cách láy lại khiến giọng thơ trùng xuống da diết, xúc động, nhấn mạnh cái đói triền miên, dai dẳng, đói khiến con người kiệt sức -> kí ức đau thương của dân tộc do chính sách cai trị của kẻ thù làm 2 triệu đồng bào chết đói.  + *Yếu tố miêu tả, tự sự:* Vừa kể bóng đen nạn đói, nhà thơ vừa miêu tả hoàn cảnh riêng của gia đình mình *“Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”* -> gợi lên tình cảnh khốn khổ, thân phận trâu ngựa của người dân Việt Nam thời Pháp thuộc.  **- Tình bà cháu:** trong hoàn cảnh ấy, bà cháu yêu thương, che chở cho nhau. Bà nhóm bếp, mùi khói bếp còn *“hun nhèm mắt cháu.... sống mũi còn cay*” Nghĩ đến kỉ niệm đó, mà người cháu còn cảm nhận rõ mùi khói bếp cay sè, hay đó chính là nỗi xúc động nghẹn ngào mà suốt 19 sau, cháu vẫn còn ám ảnh, xúc động.  **\* Kỉ niệm tám năm ròng cùng bà nhóm lửa (dòng 9- 19):**  **- Hình ảnh bà:**  *Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*  + Yếu tố tự sự:Cháu kể lại kỉ niệm tám năm được ở cùng bà “*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe/ Bà dạy cháu làm bà chăm cháu học”*  -> Suốt tám năm ấy, bà là tất cả, bà là người kể chuyện cho cháu nghe đêm đêm, là người chăm sóc cháu từ miếng ăn giấc ngủ, thay cha mẹ dạy bảo cháu nhiều điều. Bà luôn là chỗ dựa vững chắc cho cháu, thay thế và lấp đầy tất cả (cả khát khao học hành và cả hình thành nhân cách).  + Liệt kê “*ở, dạy, bảo, chăm”* nhấn mạnh hành động chăm chút, yêu thương, bao bọc, nuôi dưỡng của bà dành cho cháu.  + Điệp từ: “*bà - cháu*”-> Cháu và bà quấn quýt không dời, ở đâu có bà, ở đó có cháu  ->Tình bà cháu nồng ấm, bà có vai trò quan trọng, là điểm tựa tinh thần cho cháu khôn lớn, trưởng thành.  - Tiếng chim tu hú: Tiếng chim tu hú xuất hiện trong đoạn thơ với nhiều sắc thái khác nhau: Tiếng chim tu hú lúc mơ hồ văng vẳng từ những “*cánh đồng xa*” lúc gần gũi nghe như *“sao mà tha thiết thế*”, tiếng tu hú như than thở, sẻ chia. Có lúc lại dồn dập “*kêu hoài*” “*chim tu hú”* lặp lại nhiều lần gợi tiếng kêu khắc khoải.  => Nhà thơ chìm đắm trong suy tưởng, để trò chuyện cùng chim tu hú cùng những kỉ niệm về bà. Nhà thơ bày tỏ nỗi nhớ bà, biết ơn bà, nỗi nhớ, gia đình, quê hương, đất nước.  **\* Kỉ niệm năm giặc đốt làng (dòng 20-29):**  **- Hoàn cảnh:**  + Yếu tố tự sự: kể lại sự việc “*giặc đốt làng*”  + Yếu tố miêu tả: “*cháy tàn cháy rụi*  => Từ ngữ gợi hình, thể hiện sự khốc liệt, hoang tàn của chiến tranh, tội ác của kẻ thù.  **- Hình ảnh bà:** vượt qua tất cả mọi gian khổ:  + Cảm xúc: “*vẫn vững lòng*” trong gian khổ bà vẫn giữ vững niềm tin, bà là chỗ dựa tinh thần cho cháu.  + Hành động: “*dựng lại*” túp lều tranh với sự giúp đỡ của xóm làng  + Lời dặn cháu: “Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ/ Cứ bảo nhà vẫn được bình yên” => lời bà mộc mạc, giản dị, bà là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh: **giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương, là hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến.**  **- Hình ảnh bếp lửa, người bà gắn liền với quá trình trưởng thành của người cháu**  - Sự chuyển đổi hình tượng: “*bếp lửa”* -> “*một ngọn lửa*” => Từ hình ảnh bếp lửa thực được nhen lên bằng rơm, củi, ở đó còn có ngọn lửa thiêng trong lòng bà: ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin, sức sống thầm lặng mà mãnh liệt.  + Điệp ngữ “*một ngọn lửa*”: Nhấn mạnh tình yêu thương của bà đối với cháu. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người giữ lửa, truyền lửa – niềm tin cháu sẽ thành công trong cuộc đời  => Cảm xúc của nhân vật trữ tình: Thương yêu, trân trọng, biết ơn tình cảm của bà, với nhân vật “tôi” – ngọn lửa chứa *niềm tin dai dẳng của bà* luôn âm ỉ cháy trong lòng và đi theo nhân vật tôi suốt cả cuộc đời.  **c. Những suy ngẫm của cháu về bà và cuộc đời bà (dòng 30-37)**  - Suy ngẫm về cuộc đời bà: *lận đận, biết mấy nắng mưa, mấy chục năm rồi…* => thấu hiểu cuộc đời vất vả, tần tảo, hi sinh của bà.  - Suy ngẫm về bà:  + Điệp từ “nhóm” và nghệ thuật ẩn dụ chứa nhiều điều thú vị về bếp lửa:  ++ Nghĩa thực*“nhóm” bếp lửa ấp iu nồng đượm*: là nhóm ngọn lửa, ánh sáng và hơi ấm có thật, sưởi ấm cho bà và cháu.  ++ *“nhóm” nồi xôi gạo mới, sẻ chung vui:* chia ngọt sẻ bùi với tình làng nghĩa xóm.  ++ Ẩn dụ*“nhóm” những tâm tình tuổi nhỏ:* khơi dậy trong cháu những tình cảm tốt đẹp; nhóm lên lòng tin, hoài bão của cháu về tương lai.  => Cảm xúc của người cháu: xúc động, hạnh phúc khi nhận ra ý nghĩa thiêng liêng cao quý của bà và cuộc đời bà “*Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!”*  -> Chỉ một bếp lửa nhỏ bé thôi, chỉ một cuộc đời đơn sơ mộc mạc, nhưng vô cùng thiêng liêng, cao quý: Bà và cuộc đời bà đã trở thành hành trang che chở cho cháu, nâng đỡ cháu suốt cả cuộc đời. Triết lí thầm kín: những gì là kỉ niệm tuổi thơ thì sẽ là hành trang nâng đỡ con người suốt chặng đường đời.  **d. Hình ảnh bà và bếp lửa trong tâm hồn người cháu phương xa (phần còn lại)**  - Cuộc sống hiện tại của cháu: Cuộc sống của người cháu có nhiều thay đổi khi đi xa: Điệp từ *“có”, “trăm”,* kết hợp với nhiều danh từ đã nói lên điều đó: *có ngọn khói trăm tàu, có lửa trăm nhà, có niềm vui trăm ngả.* => tiếp xúc với nhiều người hơn, nhiều thứ hiện đại hơn, nhiều niềm vui mới hơn.  - Niềm xúc động và nỗi nhớ nhung da diết của cháu về bà, đó cũng là nổi nhớ gia đình, quê hương, đất nước: Câu hỏi tu từ: *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?* |
| **NV3: Tìm hiểu những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **PHIẾU HT SỐ 07:**  **TÌM HIỂU ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT CỦA BÀI THƠ**  *(1) Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có đặc điểm gì? Vì sao khi nhắc đến bếp lửa người cháu lại nghĩ đến bà và ngược lại? Hãy chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh bếp lửa được khắc họa trong bài thơ.*  *(2) Hãy xác định những dòng thơ có hình ảnh ẩn dụ và nêu tác dụng cảu hình ảnh đó. Em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?*  *(3) Chỉ ra và phân tích yếu tố nghệ thuật đặc sắc khác của bài thơ (gieo vần, nhịp, yếu tố miêu tả, sự sự, ...*  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **HS đưa ra những ý kiến khác nhau và lí giải phù hợp** | **3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ**  **a. Xây dựng hình tượng bếp lửa trong bài thơ:**  + Trong bài thơ có 10 lần tác giả nhắc tới bếp lửa. Bếp lửa trong bài thơ vừa là hình ảnh tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng.  **+** Khi nhắc đến bếp lửa người cháu lại nghĩ đến bà và ngược lại: Vì:  + + Bếp lửa do bà nhóm lên, gắn với những khó khăn gian khổ của đời bà;  + + Thể hiện sự tần tảo, nhẫn nại và tình yêu thương của bà dành cho con cháu. Bếp lửa bà nhóm không chỉ được nhen bằng vật liệu bên ngoài, mà còn được nhóm bằng ngọn lửa lòng bà- ngọn lửa của sự sống, lòng yêu thương và niềm tin của bà.  + + Bếp lửa tượng trưng cho tình cảm bà dành cho cháu.  **b. Bài thơ có nhiều dòng thơ có hình ảnh ẩn dụ**  *+ “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*  *+ “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa.”*  *+ “Một ngon lửa lòng bà luôn ủ sẵn/ Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”*  *+ “Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”*  *+ “Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*  **-> Tác dụng: Các hình ảnh ẩn dụ:**  + Ca ngợi, khẳng định tình yêu thương, đức hi sinh, nhân hậu ở bà. Chính bà là người đem đến tình yêu thương, nuôi dưỡng, chắp cánh ước mơ cho cháu.  + Nhà thơ bày tỏ nỗi nhớ thương, yêu kính, biết ơn bà.  **c. Các yếu tố nghệ thuật khác**  - Vần, nhịp:  + Vần liền: khói – mỏi, xa – bà, thế - về, học – nhọc, rụi – lụi, bùi - vui  + Nhịp: chủ yếu nhịp 3/5 hoặc 4/4  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc, ấn tượng: điệp ngữ, điệp từ, từ láy, ẩn dụ, liệt kê,…  - Sử dụng kết hợp biểu cảm với yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ.  + Yếu tố biểu cảm: có thể thể hiện trực tiếp *cháu thương bà biết mấy nắng mưa, thương bà khó nhọc;* có thể bộc lộ gián tiếp qua các hình ảnh về bà, về bếp lửa, về quê hương => thể hiện tình cảm bà cháu, tình cảm với quê hương, đất nước.  + Yếu tố miêu tả: miêu tả hình ảnh bếp lửa *chờn vờn sương sớm,* miêu tả hình ảnh con người trong nạn đói *khô rạc ngựa gầy,* miêu tả xóm làng bị giặc tàn phá *cháy tàn cháy rụi* => làm nổi bật hình ảnh bếp lửa, hình ảnh con người và làng quê, từ đó nổi bật hình ảnh tần tảo của bà.  + Yếu tố tố tự sự: kể các sự kiện trong cuộc đời nhân vật tôi gắn với các mốc thời gian *lên bốn tuổi, tám năm ròng, năm giặc đốt làng, giờ cháu đã đi xa ­*=> Tái hiện cuộc đời của nhân vật tôi từ nhỏ đến lớn đều gắn liền với hình ảnh của người bà và bếp lửa => Từ đó thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình. |
| **\* Tìm hiểu chủ đề và tư tưởng của bài thơ.**  **Gv chú ý tích hợp: giáo dục quốc phòng, an ninh: Tình yêu quê hương đất nước.**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* GV nêu câu hỏi:  *1. Cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện trong bài thơ là gì?*  *2. Nêu chủ đề của tác phẩm và tư tưởng của tác giả gửi gắm trong bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Từ đó, HS đưa ra ý kiến chủ quan của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV HS nêu quan điểm  - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng HS | **4. Chủ đề và tư tưởng của bài thơ.**  **- Chủ đề bài thơ:** Qua hồi tưởng cùng suy ngẫm của người cháu khi đã trưởng thành, bài *Bếp lửa* gợi về những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời cũng thể hiện lòng kính yêu trân trọng và sự biết ơn của người cháu dành cho bà cũng như với gia đình, quê hương, đất nước  **- Tư tưởng của tác giả:**  **+** Nỗi trăn trở, nặng tình nặng nghĩa với những kỉ niệm một thời khi đã khôn lớn, trưởng thành.  + Qua bài thơ, tác giả đã cho thấy được trong thế giới hoài niệm của người cháu, bà là người đã trải qua nhiều gian khổ cơ cực; bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người giữ lửa và truyền lưả- ngọn lửa cảu sự sống và niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. |

**2.3.Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Bếp lửa,* rút ra cách đọc thể loại thơ tự do

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và hình thức văn bản

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Bếp lửa*  - Nêu cách đọc một bài thơ tự do.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **IV. TỔNG KẾT**  **1. Nghê thuật**  - Thể thơ tự do, với cách gieo vần linh hoạt, kết cấu chặt chẽ cả về nội dung và hình thức thơ.  - Giọng thơ tâm tình tha thiết, xúc động  - Ngôn ngữ thơ mộc mặc, giản dị, trong sáng  - Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức tự sự, miêu tả, ...trong tác phẩm trữ tình.  - Xây dựng hình ảnh thơ sóng đôi: “bà- bếp lửa” hòa quyện, làm điểm tựa cho cảm xúc.  **2. Nội dung**  - Bài thơ là lời của người cháu nói về bà, từ đó nhà thơ bày tỏ lòng nhớ thương, yêu kính, biết ơn bà.  - Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.  - Tác giả gửi gắm tình yêu gia đình, quê hương đất nước.  - Gửi gắm triết lí thầm kín: những gì là kỉ niệm tuổi thơ sẽ là hành trang nâng đỡ con người suốt chặng đường đời.  **3. Cách đọc một bài thơ tự do**  - Khi đọc chú ý dòng thơ dài ngắn khác nhau, có thể có vần hoặc không có vần, ...  - Xác định được hình tượng được khắc họa trong bài thơ. Chỉ ra chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.  - Tìm được kết cấu, bố cục của bài thơ.  - Xác định và phân tích được việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, biện pháp tu từ, ... nổi bật trong bài thơ.  - Hiểu được sự thay đổi trong cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Hiểu được chủ đề, tư tưởng của bài thơ.  - Liên hệ đến cuộc sống thực tại của bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1: Cộng hưởng trí tuệ (05 phút)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Ngồi đọc thầm lại những nội dung đã học, viết ra những điều tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ *Bếp lửa*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý:** HS trả lời theo suy nghĩ riêng. Tuy nhiên cần chỉ ra được sức hấp dẫn của bài thơ Bếp lửa ở hai khía cạnh nội dung và nghệ thuật. Bài thơ viết về tình bà cháu- một tình cảm giản dị, bgần gũi và thiêng liêng đối với tất cả mọi người.

**\*Nhiệm vụ 2: Trò chơi “Lật mảnh ghép”**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

* GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bảng phụ ghi đáp án câu hỏi.
* **Có 4 câu hỏi lần lượt ứng với 4 mảnh ghép.**

+ Mỗi nhóm được lựa chọn 01 lần câu hỏi, cả 4 đội cùng trả lời cho mỗi câu hỏi.

+ Mỗi câu hỏi sẽ có 15s suy nghĩ và đưa ra đáp án bằng bảng phụ.

+ Trả lời đúng mỗi câu hỏi, mỗi mảnh ghép tương ứng của bức tranh sẽ được mở ra. Mỗi câu trả lời đúng được 5 điểm.

* **Trả lời đúng câu tục ngữ miêu tả nội dung bức tranh sẽ được 10 điểm.**

****

**Hệ thống câu hỏi: (Đề nghị các nhóm gấp sách vở lại để tham gia trò chơi)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| **Câu 1:** “*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*”. “Năm ấy” chỉ năm nào? | 1945 (gắn với nạn đói kinh hoàng) |
| **Câu 2:** Âm thanh nào được nhắc đi nhắc lại bốn lần ở trong bài thơ? | Tiếng chim tu hú |
| **Câu 3:** Chỉ ra 03 từ láy được sử dụng trong bài thơ. | HS chỉ ra một trong các từ sau: *Chờn vờn, tha thiết, lầm lụi, đỡ đần, dai dẳng, lận đận, thiêng liêng.* |
| **Câu 4:** Từ “nhóm” nào sau đây được dùng theo nghĩa chuyển?     A. Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  B. Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi     C. Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa     D. Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui | Đáp án B |
| **Câu tục ngữ miêu tả nội dung bức tranh: *Uống nước nhớ nguồn.*** | |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

**b. Nội dung**: HS bày tỏ quan điểm bản thân.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

**\* Kĩ thuật THINK – PAIR – SHARE**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Câu hỏi**: Từ bài thơ *Bếp lửa*, em hãy lí giải vì sao những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức lan tỏa và nâng đỡ con người đi suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share.

- GV khuyến khích HS đưa ra ý kiến, quan điểm cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện một số HS chia sẻ quan điểm về vấn đề đưa ra.

- Các HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý**

* Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ đều có sức tỏa sáng và nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời vì:

+ Trước hết, những gì gắn bó với tuổi thơ mỗi người luôn gắn liền với gia đình, nơi ta được đón nhận tình yêu thương và sự sẻ chia.

+ Nơi ấy, con người được nuôi dưỡng tâm hồn, đam mê, là nguồn động lực để con người hướng tới.

+ Trong hành trình dài rộng của cuộc đời, con người có thể sẽ gặp nhiều thử thách, trở ngại, những gì thân thiết gắn bó ở tuổi thơ sẽ in đậm trong tâm trí, tạo thành nguồn sức mạnh, nâng đỡ con người trên chặng đường ấy.

\* **Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc các tác phẩm khác của Bằng Việt

- Chuẩn bị: bài đọc Thực hành tiếng Việt: *Các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần*